

Số: **26** /2020/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 08 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1465/TTr-SNV ngày 19/8/2020 và Tờ trình số 1720/TTr-SNV ngày 23/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 và thay thế Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các phòng, ban, trung tâm;
- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);
- Lưu: VT, (N63).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2020/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chung về công tác khen thưởng; tổ chức thi đua, danh hiệu và đối tượng, tiêu chuẩn thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, phân xưởng sản xuất; phòng, khoa thuộc Trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp huyện).

2. Cá nhân người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: công nhân, nông dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.

3. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

4. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 4. Quy định chung về công tác khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xét khen thưởng ở mức cao hơn.

2. Khi khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tổng kết công tác năm. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có sai phạm bị báo chí phản ánh đang được xác minh làm rõ.

6. Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

7. Không khen thưởng khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định; đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; công tác tổ chức, phục vụ, tuyên truyền, bảo vệ (đại hội, lễ hội, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi).

8. Chỉ khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đợt (chuyên đề) đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của tỉnh hoặc tổng kết phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng).

9. Chú trọng khen thưởng theo đợt (chuyên đề), khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

10. Trong một năm, tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) hoặc thực hiện nhiều nhiệm vụ theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì cũng chỉ được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một lần.

11. Đối với các chuyên án của Công an tỉnh, chỉ thực hiện việc khen thưởng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trong trường hợp tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

12. Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Riêng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 90% trở lên” trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

13. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

14. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi trình cấp trên khen thưởng.

15. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, Công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức



năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh)

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích; tham mưu Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động Cụm, Khối thi đua và giám sát việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ phận, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tổ chức Cụm, Khối thi đua

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các Cụm, Khối thi đua và xây dựng quy định hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua để tổ chức thi đua hàng năm theo quy định.

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, cụ thể như sau:

1. Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh gồm:
 - a) Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.
 - b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.
2. Đối với cấp huyện gồm:
 - a) Các phòng, ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
 - b) Các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp huyện.
3. Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
4. Đối với doanh nghiệp gồm: các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất, tổ, đội và tương đương.

Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và một số quy định cụ thể sau:

1. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Cụm hoặc Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức và đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Việc chia Cụm, Khối thi đua thực hiện theo Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 10. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà



nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất (thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm) hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề)

a) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, lựa chọn các tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen theo số lượng quy định (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của từng phong trào thi đua để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cụ thể trong văn bản phát động phong trào thi đua).

b) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng), khi tiến hành tổng kết phong trào thi đua, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của phong trào thi đua để giao chỉ tiêu khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương, số lượng không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân).

c) Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 40% tổng số cá nhân được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

3. Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày tái lập hoặc thành lập các huyện, thị xã, thành phố năm tròn (có văn bản phát động phong trào thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố), số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tập thể, 20 cá nhân.

4. Khen thưởng Đại hội Thi đua yêu nước của tỉnh, Hội nghị tổng kết công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh, Hội nghị tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh; kỷ niệm ngày tái lập tỉnh, các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước năm tròn (theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn tỉnh) hoặc tổ chức các sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh (do Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì), số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Hội nghị sơ kết, tổng kết giai đoạn từ 03 năm trở lên), số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 02 tập thể, 04 cá nhân (đối với hội nghị sơ kết) và không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân (đối với Hội nghị tổng kết). Trường hợp cùng một nhiệm vụ, nếu tổ chức cả Hội nghị sơ kết và Hội nghị tổng kết thì số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho cả 02 lần tổ chức hội nghị cũng không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân.

Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 40% tổng số cá nhân được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

6. Khen thưởng thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong từng lĩnh vực

Xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong các trường hợp sau:

- a) Đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, các giải thi đấu quốc tế.
- b) Đạt giải ba trở lên (hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (không tính các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp khu vực, vùng, miền).
- c) Đạt giải nhất, giải đặc biệt trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh (theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- d) Tập thể, cá nhân là mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn.
- đ) Tấm gương “người tốt, việc tốt”; tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác (có sức lan tỏa trong phạm vi toàn tỉnh), được người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện đề nghị khen thưởng.
- e) Cá nhân tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ loại giỏi, xuất sắc, lập được nhiều thành tích trong công tác và trí thức tiêu biểu (có 03 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): Giao Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần.
- g) Công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo (giao Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 200 người/năm).
- h) Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi (giao Hội Nông dân tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 120 người/năm).

i) Người dân tộc thiểu số tiêu biểu (giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 50 người/năm).

k) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động hiến máu tình nguyện (giao Hội Chữ thập đỏ tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 30 tập thể và 15 cá nhân/năm). Việc khen thưởng cá nhân và gia đình hiến máu tình nguyện lần thứ 20 trở lên thực hiện theo Quy chế của Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện và tình hình thực tế của tỉnh.

l) Tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tập thể, 20 cá nhân/năm và không vượt quá 20 tập thể, 30 cá nhân đối với giai đoạn 05 năm).

m) Hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo, người khuyết tật tiêu biểu vươn lên trong cuộc sống (giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 30 chỉ tiêu cho mỗi đối tượng).

n) Hợp tác xã tiêu biểu (gồm Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân): Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 20 tập thể.

o) Người thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế (giao Cục Thuế tỉnh hàng năm chủ trì tổ chức xét chọn và đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định).

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ các quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để hướng dẫn tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể cho từng đối tượng.

7. Khen thưởng gia đình

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội (có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên).

8. Khen thưởng Cụm, Khối thi đua thực hiện theo Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc

nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh và cấp quốc gia; đóng góp hiện vật, cổ vật có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các tổ chức, tập thể, cá nhân, các nhà từ thiện trong và ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong công tác xã hội của tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn (thành tích từ thiện, nhân đạo).

12. Các trường hợp khác, giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Trường hợp không xét danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

- a) Không đăng ký thi đua.
- b) Mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng).
- c) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
- d) Có cá nhân trong tập thể bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Đối với cá nhân

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ làm việc trên 40 ngày trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế).

- b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 13. Trường hợp không xét hình thức khen thưởng

1. Đối với tập thể

- a) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
- b) Có cá nhân trong tập thể bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Đối với cá nhân

- a) Có sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
- b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết công tác năm)

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: Không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Tỷ lệ xét hình thức khen thưởng

a) Giấy khen

- Đối với cá nhân: Không quá 30% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị.

- Đối với tập thể: Không quá 30% tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đối với cá nhân: Không quá 15% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị.

- Đối với tập thể không thuộc Cụm, Khối thi đua: Không quá 30% tổng số tập thể thuộc đơn vị.

(Đối với tập thể thuộc Cụm, Khối thi đua: Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét xếp hạng thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Khi tính tỷ lệ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng.

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương.

- Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, cán sự và tương đương.

- Nhân viên lái xe, bảo vệ, phục vụ.

Trong đó, đối tượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên), tỷ lệ đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 35% trong tổng số chỉ tiêu được khen thưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua

Đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 16. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp y các trường hợp do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đề nghị hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

d) Hiệp y các trường hợp do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp của tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh cho ý kiến hiệp y về việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên)

đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến hiệp y đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) về nội dung chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương).

5. Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình khen thưởng cấp Nhà nước trong các trường hợp:

a) Khen thưởng cho cá nhân thuộc cấp ủy Đảng quản lý;

b) Khen thưởng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

6. Sở Ngoại vụ hiệp y khen thưởng đối với khen thưởng đối ngoại và khen thưởng có yếu tố nước ngoài; Công an tỉnh hiệp y khen thưởng đối với khen thưởng đối ngoại (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

7. Cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường, lao động, y tế có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân, người lao động; xác nhận đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh) theo đề nghị của các tổ chức kinh tế hoặc của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

8. Khi có văn bản xin ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 05 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng hoặc hiệp y khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 17. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010

của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cao.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; ngày truyền thống, ngày kỷ niệm, Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối với các trường hợp khen thưởng gương “người tốt, việc tốt”; thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất (khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước), giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng.

Điều 18. Tuyến trình khen thưởng

Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và một số quy định cụ thể sau:

1. Đối với các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì do bộ, ngành Trung ương khen thưởng tổng kết công tác năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng theo Điều 9 và Điều 11 Quy định này.

2. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

3. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

4. Đối với các tổ chức kinh tế

a) Các doanh nghiệp, Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tham gia các Khối thi đua của tỉnh: Do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Tổng Giám đốc Doanh nghiệp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng (đối với các Doanh nghiệp thuộc tỉnh);

b) Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (không tham gia các Khối thi đua của tỉnh) có trụ sở đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nào thì huyện, thị xã, thành phố đó trình khen thưởng; các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp thì do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trình khen thưởng.

c) Đối với người đại diện không chuyên trách tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ thấp hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ thì đơn vị quản lý người đại diện không chuyên trách khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

d) Đối với người đại diện chuyên trách tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ thấp hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ thì doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế nếu có đóng góp lớn cho tỉnh (kể cả là người nước ngoài) thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

6. Đối với các tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thì khi trình khen thưởng cấp tỉnh và khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải gửi kèm văn bản của cơ quan quản lý thuế, quản lý bảo hiểm xã hội có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho công nhân, người lao động; cơ quan quản lý môi trường, quản lý lao động và y tế có thẩm quyền xác nhận đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất kinh doanh).

Điều 19. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 6, khoản 7, khoản 10, khoản 11 Điều 11 Quy định này (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể).

Điều 20. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết công tác năm): Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

b) Đối với khen thưởng tổng kết Cụm, Khối thi đua: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Đối với tổng kết cụm, khối thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

c) Đối với khen thưởng theo đợt (chuyên đề); khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc.

d) Đối với các trường hợp khen thưởng theo khoản 1, khoản 6, khoản 7, khoản 10, khoản 11 Điều 11 Quy định này: Hồ sơ gửi trực tiếp về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo các đợt sau đây:

a) Đợt 1: Hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ”, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 05 tháng 3 hàng năm. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

b) Đợt 2: Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

c) Đợt 3: Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

Điều 21. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc xác nhận khen thưởng khi tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng, ban, bộ phận làm công tác thi

đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên khác gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt” và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 23. Hội đồng Sáng kiến các cấp

Việc thành lập Hội đồng sáng kiến, xét sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Chương VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ (Phòng Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội) quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 25. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới.

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khen thưởng tổng kết công tác năm được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (Riêng doanh nghiệp của tỉnh, trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng).

b) Tiền thưởng kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 11 Quy định này được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (trừ các trường hợp khen thưởng quy định tại điểm a, b, c khoản 6 Điều 11 và khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc doanh nghiệp trong việc thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế).

c) Đối với các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh; các tổ chức từ thiện, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có nhiều đóng góp trong công tác xã hội của tỉnh hoặc các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh và cấp quốc gia; đóng góp hiện vật, cổ vật theo quy định tại khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 11 Quy định này thì không thực hiện việc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định về công tác thi đua, khen thưởng để thực hiện.

Điều 27. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Điều 28. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền